

THUÊ MÔI TRƯỜNG RỪNG Ở VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

Bùi Thị Minh Nguyệt¹

¹Trường Đại học Lâm nghiệp

TÓM TẮT

Cho thuê môi trường rừng (MTR) để kinh doanh du lịch sinh thái (DLST) là hoạt động đang được quan tâm tại các khu rừng đặc dụng của Việt Nam, đặc biệt là tại các vườn quốc gia (VQG). VQG Ba Vì là một trong những VQG triển khai các hoạt động cho thuê MTR sớm nhất cả nước. Đến hết năm 2018, Việt Nam có 13 tổ chức thực hiện cho thuê MTR, mục đích thuê chủ yếu kinh doanh DLST. Kết quả nghiên cứu đã tổng kết các mô hình cho thuê trên các khía cạnh như loại rừng cho thuê, vị trí thuê, mục đích thuê, đối tượng thuê, cho thuê, thời gian thuê, đơn giá thuê... Chính sách cho thuê MTR cũng đã có tác động tích cực như tác động đến đầu tư công của Nhà nước, đến công tác BV&PTR, đến kinh tế địa phương, đến việc làm, thu nhập của cư dân địa phương, đến hệ thống pháp luật. Bên cạnh đó, chính sách được thực hiện cũng gây ra những tiêu cực nếu không quản lý tốt như vấn đề bảo tồn tài nguyên rừng, ô nhiễm môi trường, xung đột văn hóa... Trong nghiên cứu này, tác giả đã đưa ra một số khuyến nghị về chính sách để thúc đẩy hoạt động cho thuê MTR tại Việt Nam.

Từ khóa: Chính sách cho thuê môi trường rừng, du lịch sinh thái, môi trường rừng, Vườn quốc gia.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam có tiềm năng rất lớn về tài nguyên rừng và rừng có nhiều giá trị khác nhau (giá trị sử dụng trực tiếp, giá trị sử dụng gián tiếp và giá trị phi sử dụng). Theo nhiều nghiên cứu, giá trị dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) chiếm 60 - 80% tổng giá trị kinh tế của rừng tạo ra (Pearce, 2001; Tarancop, 1986; Krieger, 2001; Natasha, 2002; N.Adger và N.H Trí, 1998; Viện KHLN Việt Nam, 2004). Việc khai thác DVMTR là rất cần thiết nhằm nâng cao giá trị của rừng, tạo nguồn thu để đầu tư lại cho bảo vệ và phát triển rừng (BV&PTR), giảm sự đầu tư của Nhà nước, quan trọng hơn là thay đổi nhận thức về vai trò và giá trị nhiều mặt của rừng. Trong Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam 2006 - 2020 xác định mục tiêu tăng giá trị DVMTR và DLST từ 250 triệu USD năm 2010 lên 500 triệu USD năm 2015 và 2000 triệu USD năm 2020. Để đạt được mục tiêu trên đòi hỏi phải xác định được các loại DVMTR và xây dựng các cách thức để khai thác các giá trị đó cho phù hợp với từng loại rừng cụ thể. Từ năm 2016, theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về đóng cửa rừng tự nhiên, thì nguồn thu từ DVMTR là nguồn thu thay thế quan trọng được các chủ rừng quan tâm. Trong Luật lâm nghiệp 2017 cũng có sự thay đổi trong xác định chức

năng của rừng, mỗi loại rừng có chức năng khác nhau nhưng đều có điểm chung là đều có thể kết hợp kinh doanh DLST, nghỉ dưỡng, giải trí, cung ứng DVMTR (trừ khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng không được kinh doanh dịch vụ nghỉ dưỡng, giải trí).

Cho thuê môi trường rừng (MTR) được cho là 1 phương thức nhằm xã hội hóa DVMTR và hình thức này đã được áp dụng thí điểm ở một số VQG như: VQG Ba Vì, Bidup Núi Bà, Ba Bể từ năm 2002. Ngoài ra, trên thực tế cũng có một số mô hình tự phát với quy mô nhỏ, phân tán ở các khu rừng khác nhau kể cả rừng sản xuất và phòng hộ (Bùi Thị Minh Nguyệt, 2018). Để khuyến khích và thúc đẩy hoạt động cho thuê MTR, Chính phủ Việt Nam đã ban hành hàng loạt các văn bản quy phạm pháp luật nhằm tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động thuê MTR tại các khu rừng đặc dụng nhưng việc triển khai các phương án cho thuê còn chậm vì nhiều lý do khác nhau (Bùi Thị Minh Nguyệt, 2014). Mục tiêu bài báo là đánh giá các mô hình cho thuê MTR tại Việt Nam làm cơ sở đề xuất mô hình phù hợp và giải pháp đẩy mạnh hoạt động thuê môi trường rừng trong thời gian tới.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nội dung nghiên cứu

- Đánh giá thực trạng các mô hình cho thuê MTR; các tác động tích cực, tiêu cực từ cho thuê môi trường rừng tại Việt Nam.

- Đề xuất giải pháp nhằm thúc đẩy hoạt động cho thuê môi trường rừng tại Việt Nam.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Về chọn điểm nghiên cứu: Tác giả chọn 8 tỉnh nghiên cứu đại diện cho các vùng sinh thái khác nhau, có đầy đủ đặc trưng về các loại rừng, đa dạng các dịch vụ cho thuê MTR, đã thực hiện thí điểm và có khả năng cho thuê MTR. Tại 8 tỉnh sẽ tiến hành nghiên cứu sâu tại 6 VQG, 03 BQL rừng phòng hộ và 02 công ty lâm nghiệp.

Về phương pháp thu thập số liệu: Số liệu thu thập từ nguồn thứ cấp và sơ cấp. Số liệu sơ cấp được thu thập thông qua phỏng vấn các đối tượng có liên quan gồm: Cơ quan quản lý Nhà nước về Lâm nghiệp (Tổng cục Lâm nghiệp, Sở NN&PTNT...), bên cho thuê MTR (VQG/KBTTN, BQL rừng phòng hộ, công ty lâm nghiệp), bên thuê MTR (cá nhân, doanh nghiệp...) và các chuyên gia để thu thập các số liệu có liên quan, các quan điểm đánh giá về hoạt động cho thuê MTR trong thời gian qua. Đề tài đã tiến hành khảo sát hiện trường tại các địa điểm đang triển khai hoạt động cho thuê MTR.

Các số liệu thu thập sẽ được xử lý và phân tích cả về mặt định tính và định lượng theo các nội dung và mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra. Đề tài áp dụng một số phương pháp như thống kê mô tả, phương pháp so sánh để thực hiện phân tích.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng triển khai hoạt động cho thuê môi trường rừng tại Việt Nam

Trong những năm gần đây, ở một số khu rừng đặc dụng đã thực hiện các hoạt động kinh doanh DLST dưới nhiều hình thức khác nhau như tự tổ chức, liên doanh liên kết và cho thuê MTR kinh doanh DLST góp phần tạo ra nguồn tài chính cho bảo vệ rừng và bảo tồn ĐDSH. Trong tổng số 164 khu rừng đặc dụng, có 61 khu rừng có tổ chức các hoạt động DLST

(26/33 VQG; các khu còn lại 35/127 khu, trừ 9 khu rừng nghiên cứu thực nghiệm khoa học). Hoạt động cho thuê MTR hiện nay chủ yếu thực hiện các khu rừng đặc dụng – phần lớn ở VQG, với hoạt động chủ yếu là kinh doanh DLST. Hình thức tổ chức các hoạt động DLST tại VQG gồm: 37 khu tự tổ chức DLST, 11 khu tổ chức liên doanh, liên kết và 13 khu cho thuê MTR; 15 khu rừng tổ chức theo 2 hình thức; 01 khu cả 3 hình thức. Kết quả khảo sát cho thấy, phần lớn các VQG/KBTTN là tự tổ chức kinh doanh, cho thuê MTR để kinh doanh DLST chưa có nhiều.

Trong các VQG đang triển khai hoạt động cho thuê MTR rừng thì VQG Ba Vì đang có số lượng doanh nghiệp thuê là đông nhất (đến thời điểm hiện tại có 6 đơn vị thuê MTR tại Vườn), các VQG còn lại chỉ có 1 đơn vị thuê. Một số VQG khác đã xây dựng đề án thuê MTR kinh doanh DLST nhưng hiện nay chưa có đơn vị nào đăng ký thuê.

Hoạt động cho thuê MTR với mục đích kinh doanh DLST chưa phát triển ở các khu rừng đặc dụng và rừng sản xuất. Một phần do điều kiện tự nhiên, cảnh quan tại các khu rừng phòng hộ không có sức hút đối với hoạt động du lịch như các VQG, KBT, một phần do cơ chế chính sách của nhà nước đối với RPH chưa tạo ra động lực kích thích phát triển hoạt động cho thuê đối với các chủ rừng. Hơn nữa trên thực tế, các BQLRPH còn lúng túng và bị động trong việc xây dựng các phương án phát triển hoạt động DLST, cho thuê MTR. Trong thực tế, có một số mô hình cho thuê MTR nghiên cứu khoa học dưới tán rừng nhưng quy mô nhỏ lẻ.

3.2. Đánh giá các mô hình cho thuê MTR tại điểm nghiên cứu

- Diện tích cho thuê:

Tại các điểm nghiên cứu được khảo sát cho thấy, hoạt động cho thuê MTR đang chủ yếu thực hiện ở các VQG. Tuy nhiên, diện tích cho thuê này còn khá nhỏ so với diện tích được quy hoạch cho thuê.

Bảng 1. Loại rừng và diện tích cho thuê của mô hình nghiên cứu

TT	Đơn vị	Loại rừng cho thuê	Diện tích đã cho thuê (ha)	Tổng diện tích có thể cho thuê (ha)
1	VQG Ba Vì	Rừng đặc dụng	523	2.555
2	VQG Phong Nha - Kẻ Bàng	Rừng đặc dụng	55	40.860
3	VQG Bidoup - Núi Bà	Rừng PH, ĐĐ (213,61 ha)	300	8.603
4	VQG Hoàng Liên	Rừng đặc dụng	53	

Nguồn: Tác giả tổng hợp

- Đối tượng thuê và mục đích thuê:

Bảng 2. Đối tượng thuê và mục đích thuê

TT	Đơn vị	Đối tượng cho thuê	Đối tượng thuê	Mục đích thuê	
1	Hà Nội	VQG Ba Vì	Công ty Thiên Sơn – Suối Ngà	DLST	
			Công ty du lịch Miền Đất Vua	DLST	
			Công ty CP hóa dầu Quân Đội	DLST	
			Công ty phát triển công nghệ CFTD	DLST, nghỉ dưỡng	
			Công ty du lịch PICO	DLST	
			Công ty TNHH tư vấn và ĐT Quảng Long	DLST	
2	Quảng Bình	VQG Phong Nha – Kẻ Bàng BQL rừng phòng hộ Động Châu – Lệ Thủy	Công ty CP tập đoàn Trường Thịnh	DLST	
			TT bảo tồn thiên nhiên Việt	Bảo tồn sinh cảnh núi	
			TT bảo tồn thiên nhiên Việt	NCKH và bảo tồn ĐDSH	
3	Lâm Đồng	VQG Bidoup - Núi Bà	Công ty TNHH đầu tư XD Hoàng Châu	DLST	
4	Lào Cai	BQL khu BTTN Hoàng Liên – Văn Bàn	Mới có phương án thuê MTR	DLST	
			VQG Hoàng Liên	Công ty cáp treo Fansipan	Hành lang tuyến cáp treo
			VQG Hoàng Liên	TCT CP XNK và xây dựng Việt Nam	Hệ thống cấp nước sạch TT Sapa
			VQG Hoàng Liên	Mới có đề án thuê MTR	PTDL tại suối vàng và thác tình yêu

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Theo quy định mọi thành phần kinh tế trong nước có chức năng và đủ năng lực đầu tư vào các lĩnh vực cho phép và thoả mãn các điều kiện đều được xét cho thuê MTR. Đối với kinh doanh DLST cần thoả mãn các điều kiện: (1) Năng lực của nhà đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật; (2) Có kinh nghiệm tổ chức kinh doanh DLST thành công; (3) Có phương án đề xuất MTR phù hợp với quy định hiện hành. Ngoài ra, một số VQG có quy định chi tiết hơn về khả năng tài chính và phải đã có những mối quan hệ từ trước với các VQG như đã nhận khoán hoặc liên kết với VQG.

Đối tượng đi thuê chủ yếu là các công ty du lịch, với mục đích thuê để thực hiện hoạt động kinh doanh DLST. So với tiềm năng thì số lượng các đơn vị thuê MTR để đầu tư kinh doanh DLST còn hạn chế. VQG Ba Vì là đơn vị đầu tiên của cả nước được thí điểm thực hiện, các đơn vị thuê chủ yếu là đã có mối quan hệ với VQG (đang tiến hành nhận khoán bảo vệ ở VQG) nhưng đến thời điểm hiện tại có 6 đơn vị chính thức hoàn thiện thủ tục và ký hợp đồng thuê MTR. Ở Phong Nha – Kẻ Bàng và Bidoup – Núi Bà, mỗi VQG có 1 đơn vị thuê. Hiện nay, tại các VQG đã cho thuê cũng không

Kinh tế & Chính sách

có nhiều đơn vị đến khảo sát đề đề xuất thuê MTR kinh doanh DLST.

Theo kết quả phỏng vấn lãnh đạo và cán bộ các VQG thì hoạt động cho thuê MTR góp phần tăng nguồn thu cho Vườn, giải quyết việc làm cho người dân vùng đệm từ đó góp phần phát triển kinh tế xã hội ở các địa phương.

- Thời hạn và thời điểm cho thuê:

Thời gian thuê tối đa được quy định tại thời điểm ký hợp đồng thuê, thường từ 30 - 50 năm. Hoạt động thuê MTR được thực hiện cũng tập trung vào những năm gần đây, nhiều đơn vị có thời gian để làm các thủ tục thuê rất lâu và việc triển khai để thực hiện còn nhiều vướng mắc.

Bảng 3. Thời hạn và thời điểm thuê MTR kinh doanh DLST

TT	Đơn vị	Đối tượng thuê	Thời điểm thuê	Thời hạn thuê (năm)
1	VQG Ba Vì	Công ty Thiên Sơn – Suối Ngà	2003	50
		Công ty du lịch Miền Đất Vua (Thác Đa)	2005	50
		Công ty CP hóa dầu Quân Đội	2014	50
		Công ty phát triển công nghệ CFTD	2017	30
		Công ty du lịch PICO	2018	30
		Công ty TNHH tư vấn và ĐT Quảng Long	2017	30
2	VQG Phong Nha – Kẻ Bàng	Công ty CP tập đoàn Trường Thịnh	2011	50
3	VQG Bidoup – Núi Bà	Công ty TNHH đầu tư xây dựng Hoàng Châu	2017	50
4	VQG Hoàng Liên	Công ty TNHH DVDL cáp treo Fansipan Sapa	Đề án từ năm 2014, thực hiện cho thuê 2017	50

Nguồn: Tác giả tổng hợp

- Giá cho thuê môi trường rừng:

Bảng 1. Đơn giá cho thuê MTR

TT	Đơn vị	Đối tượng thuê	Giá thuê (Đồng/ha/năm)
1	VQG Ba Vì	Công ty hóa dầu quân đội, Công ty Thiên Sơn – Suối Ngà	500.000 (theo đề án thí điểm)
		Công ty du lịch Miền đất vua	400.000 (theo đề án thí điểm)
		Các công ty còn lại	2% doanh thu (Quyết định 24/QĐ-TTg)
2	VQG Phong Nha - Kẻ Bàng	Công ty CP tập đoàn Trường Thịnh	5 năm đầu 1% doanh thu, từ năm thứ 6 là 1,5% doanh thu
3	VQG Bidoup - Núi Bà	Công ty TNHH đầu tư xây dựng Hoàng Châu	Điều chỉnh 5 năm 1 lần. Giá thuê bằng 1% trên doanh thu bán vé tham quan (theo Quyết định định giá của UBND tỉnh)
4	VQG Hoàng Liên	Công ty TNHH DVDL cáp treo Fansipan Sapa	1-2% DT bán vé (Nghị định 99/NĐ-CP về chính sách chi trả DVMTR). Điều chỉnh 5 năm 1 lần.

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Ngoài ra, tại số một số địa phương, đơn vị khi triển khai hoạt động cho thuê còn có các quy định chi tiết như: Nguyên tắc thuê, mức độ tác động, quy định xây dựng cơ sở hạ tầng, tiêu chuẩn đối tượng thuê, trình tự và thủ tục cho thuê...

3. Đánh giá tác động của cho thuê môi trường rừng ở Việt Nam

a. Tác động tích cực

Trong một khía cạnh tích cực, chính sách cho thuê MTR đã có những đóng góp lợi ích về nhiều mặt cho nhà nước, xã hội, các chủ

rừng và cả các bên thụ hưởng các lợi ích từ rừng, cụ thể:

- Tác động đến đầu tư công của nhà nước: Chính sách này góp phần tiết giảm sự đầu tư của Nhà nước cho công tác BV&PTR. Việc cho thuê MTR đã phân nào bổ sung nguồn thu cho chính các đơn vị quản lý rừng và giảm gánh nặng ngân sách.

- Tác động đến chính sách BV&PTR: Các chủ thể khi được thuê MTR để tiến hành hoạt động kinh doanh DLST sẽ đầu tư tôn tạo cảnh quan, trồng thêm nhiều diện tích rừng để thu hút khách thăm quan, nghỉ dưỡng nhằm thu hồi vốn đầu tư. Như vậy, hoạt động đầu tư của các chủ thể góp phần bảo tồn và phát triển các giá trị của rừng.

- Tác động đến kinh tế của địa phương: Chính sách cho thuê MTR kinh doanh DLST sẽ góp phần phát triển cơ sở hạ tầng tại địa phương thông qua sự đầu tư của Nhà nước, địa phương và các tổ chức, cá nhân được thuê MTR.

- Tác động đến lao động, việc làm và thu nhập cho dân cư địa phương: Việc thực hiện chính sách cho thuê MTR sẽ tạo điều kiện cho việc sử dụng nguồn nhân lực tại chỗ có hiệu quả, bên cạnh việc thu hút lao động nhân rỗi tham gia vào các hoạt động kinh doanh du lịch cũng góp phần làm giảm đáng kể tác động tiêu cực từ chính nguồn lao động nhà rỗi này đến hoạt động bảo vệ rừng.

- Tác động đến cơ cấu nguồn thu của các chủ rừng, đặc biệt là các chủ rừng quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ: Ngoài nguồn thu từ vé của du khách vào thăm quan, nghỉ dưỡng, các chủ rừng còn có nguồn thu khác từ hoạt động cho thuê MTR. Ví dụ, nguồn thu từ hoạt động cho thuê MTR tại vườn quốc gia Ba Vì năm 2006 chỉ chiếm tỷ trọng 2,15% đến năm 2011 đã chiếm 21,4% trong tổng nguồn thu của Vườn.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Chính sách này không có bất cứ mâu thuẫn đáng kể nào đối với hệ thống pháp luật hiện hành do được xây dựng trên cơ sở một chính sách lớn của Nhà nước. Việc thực hiện các

hoạt động cho thuê MTR được thực hiện đúng pháp luật, trên cơ sở bình đẳng của các chủ thể, khuyến khích, chứ không phải bằng các mệnh lệnh hành chính. Điều này đặc biệt quan trọng trong việc đảm bảo quyền tự chủ của các doanh nghiệp, chủ rừng và các chủ thể liên quan trong hoạt động lâm nghiệp và tránh được mâu thuẫn với các luật liên quan như Luật doanh nghiệp, Luật dân sự, Luật bảo vệ môi trường và Luật đa dạng sinh học. Chính sách này cũng không mâu thuẫn với các điều ước quốc tế mà Việt nam có tham gia hoặc là thành viên.

b. Tác động tiêu cực của hoạt động cho thuê MTR

Ngoài các tác động tích cực nêu trên, cho thuê MTR cũng xảy ra một số tác động tiêu cực, cụ thể:

- Trong quá trình thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng du lịch và các hoạt động du lịch sau này sẽ tạo ra một số tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên, cảnh quan sinh thái trong khu vực như: Các chất thải rắn xây dựng, khí thải từ phương tiện thi công, bụi và tiếng ồn...; chất thải sinh hoạt (rác thải, nước thải) phát sinh từ các khu du lịch, nhà hàng, nếu không có biện pháp thu gom và xử lý tốt sẽ gây ô nhiễm cục bộ đến môi trường nước, đất và không khí.

- Việc thực hiện các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng và các hoạt động du lịch sau này trong khu vực cũng sẽ có những tác động nhất định đến đa dạng sinh học và các hệ sinh thái rừng, sinh cảnh sống của các loài động vật rừng như: Mất một số diện tích thảm thực vật khi đặt các công trình xây dựng chính.

- Những hoạt động vô ý thức của con người luôn tiềm ẩn những nguy cơ cháy rừng, ô nhiễm môi trường.

- Số lượng khách du lịch tăng lên đồng nghĩa với những nguy cơ lây lan dịch bệnh cho cộng đồng địa phương, ảnh hưởng đến hệ sinh thái rừng.

- Sự khác biệt về văn hóa, tập quán và ngôn ngữ giữa khách du lịch với người dân địa phương cũng có thể xảy ra những mâu thuẫn và xung đột.

4. Khuyến nghị về chính sách cho thuê MTR ở Việt Nam

a. Đề xuất mô hình thuê môi trường rừng ở Việt Nam

- Về khu vực cho thuê: Cần quy định rõ chỉ cho thuê MTR ở phân khu hành chính - dịch vụ đối với rừng đặc dụng và khu vực ít xung yếu đối với rừng phòng hộ.

- Về thời gian cho thuê: Nên quy định nguyên tắc chung, không nên quy định cụ thể số năm để tránh xung đột, mâu thuẫn với các quy định khác. Có thể đưa ra quy định là thời gian cho thuê do bên cho thuê và bên thuê tự thỏa thuận, xác định trong hợp đồng, phải đảm bảo phù hợp với thời hạn cho thuê đất theo quy định của Luật đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Về mức giá cho thuê: Nên quy định thống nhất mức giá cho thuê tối thiểu bằng số tương đối (%) để tránh biến động, thay đổi giá cả chung trên thị trường. Cụ thể:

+ Mức giá cho thuê MTR tối thiểu bằng 2% doanh thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ trong kỳ của bên thuê tại khu vực thuê MTR.

+ Mức giá cụ thể do hai bên tự thỏa thuận và xác định trong hợp đồng nhưng không thấp hơn mức giá tối thiểu được quy định như trên.

+ Định kỳ 5 năm một lần, bên cho thuê và bên thuê MTR rà soát, xác định lại mức thuê cho giai đoạn tiếp theo.

+ Giá cho thuê MTR của các chủ rừng còn được tính thêm mức hệ số phù hợp với từng loại rừng, khu vực có rừng, tính đa dạng sinh học, cảnh quan của rừng và các giá trị khác...

- Hạn mức diện tích cho thuê: Nên quy định mở, theo hướng đảm bảo phù hợp với quy hoạch phân khu hành chính, dịch vụ và nhu cầu, năng lực thực tế về tài chính của bên thuê. Hạn mức diện tích cho thuê MTR do hai bên tự thỏa thuận trong hợp đồng thuê trên cơ sở đảm bảo phù hợp với quy hoạch, đề án phát triển DLST được cấp có thẩm quyền phê duyệt và nhu cầu, năng lực tài chính của bên thuê.

- Phương thức, điều kiện cho thuê: Cho thuê MTR được tiến hành thông qua việc đấu giá công khai theo pháp luật về giá, đầu thầu và quản lý tài sản công.

b. Một số khuyến nghị

Cần tiếp tục hoàn thiện chính sách cho thuê MTR, chi tiết các quy định liên quan như: mục đích thuê, loại rừng được thuê, vị trí thuê, giá thuê, diện tích thuê, thủ tục, điều kiện thuê MTR...

Các VQG cần chủ động trong việc rà soát quy hoạch, lập đề án phát triển DLST để thực hiện cho thuê MTR.

Thực hiện các biện pháp để quảng bá hình ảnh của VQG, công khai trên các phương tiện về các đề án cho thuê đến các nhà đầu tư. Tạo cơ chế công khai, minh bạch thông tin liên quan đến thuê MTR.

Ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng bao gồm cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hệ thống giao thông và nâng cấp các tuyến đường đến các điểm du lịch của VQG.

Đơn giản hóa các thủ tục hành chính để thu hút được các nhà đầu tư; hỗ trợ các nhà đầu tư trong quá trình hoàn thành thủ tục đầu tư. Khuyến khích thực hiện xã hội hóa đầu tư; bảo vệ, tôn tạo di tích, thắng cảnh; bảo tồn và phục dựng các lễ hội, hoạt động văn hóa dân gian, các làng nghề phục vụ phát triển du lịch.

4. KẾT LUẬN

Du lịch là một thế mạnh của các VQG, phát triển du lịch góp phần quảng bá tiềm năng của rừng, giải quyết các vấn đề lao động, việc làm, tăng thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Trong điều kiện các nguồn tài chính cho công tác bảo vệ tài nguyên rừng, bảo vệ môi trường và phát triển du lịch tại vẫn còn hạn hẹp, việc tìm kiếm các nguồn bổ sung là rất cần thiết.

Nghiên cứu đã phân tích và tìm ra mô hình cho thuê MTR có triển vọng để thực hiện ở Việt Nam. Đã đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường từ mô hình cho thuê MTR được triển khai trong thời gian qua. Đánh giá được tác động tích cực và tiêu cực khi thực hiện chính sách cho thuê MTR. Để thúc đẩy hoạt động cho thuê MTR trước tiên cần hoàn thiện hệ thống chính sách có liên quan đến hoạt động cho thuê MTR, tăng cường tính chủ động của các VQG và các chủ rừng có tiềm

năng cho thuê, ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng để phát triển DLST, tạo điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư có thể đầu tư phát triển DLST tại các khu rừng có tiềm năng và lợi thế phát triển DLST.

Lời cảm ơn

Kết quả nghiên cứu được thực hiện từ kết quả đề tài nghiên cứu cấp Bộ: “Nghiên cứu, đánh giá thực trạng các mô hình làm cơ sở đề xuất chính sách cho thuê môi trường rừng ở Việt Nam”, Bộ NN&PTNT, 2018. Tác giả xin trân trọng cảm ơn Bộ NN&PTNT đã hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (2008).

Báo cáo hoạt động thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái tại các khu rừng đặc dụng. Hà Nội.

2. Bộ nông nghiệp & phát triển nông thôn (2007), Quyết định số 104/2007/QĐ-BNN, ngày 27/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy chế quản lý các hoạt động du lịch sinh thái tại các Vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, Hà Nội.

3. Bùi Thị Minh Nguyệt (2013). “Chính sách thuê môi trường rừng tại các VQG ở khu vực phía Bắc Việt nam, nghiên cứu tại VQG Ba Vì, Tam Đảo, Bến En”. Báo cáo Luận án tiến sỹ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

4. Bùi Thị Minh Nguyệt và nhóm nghiên cứu (2018), Nghiên cứu, đánh giá thực trạng các mô hình làm cơ sở đề xuất chính sách cho thuê môi trường rừng ở Việt Nam, Đề tài cấp Bộ, Bộ NN&PTNT, 2018.

**FOREST ENVIRONMENT LEASE IN VIETNAM:
SITUATION AND POLICY RECOMMENDATIONS**

Bui Thi Minh Nguyet¹

¹*Vietnam National University of Forestry*

SUMMARY

Renting forest environment for ecotourism business is an interesting activity in special-use forests in Vietnam, especially in national parks. Ba Vi National Park is one of the earliest national park to deploy forest environmental leasing activities. By the end of 2018, Vietnam had 13 organizations implementing forest environmental leasing. The main purpose of leasing is ecotourism business. The study results summarized the leasing models in terms of the type of forest for lease, the location of the lease, the purpose of the lease, the tenant, the time and price for lease, etc. The leasing forest environment has economic, social and environmental efficiency in the leasing areas such as: developing ecotourism, developing infrastructure systems, generating revenue, and reducing investment pressure from the state budget. The policy of leasing forest environment has also had positive effects such as impact on public investment, forest protection and development, the local economy, employment, income of local residents, and legal system. In addition, the policy implemented also causes some negative impacts if not well managed such as conservation of forest resources, environmental pollution, cultural conflicts, etc. In this study, the author has proposed policies to promote forest environment leasing activities in Vietnam.

Keywords: Ecotourism, forest environment, national parks, policy for leasing forest environment.

Ngày nhận bài : 08/9/2019
Ngày phản biện : 15/10/2019
Ngày quyết định đăng : 21/10/2019